

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LONG THÀNH TRADING BUSINESS AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0107700861

3. Ngày thành lập: 10/01/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 33, khu tập thể XN 492, tổ 12, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
2.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
3.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	5223
5.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
6.	Cơ sở lưu trú khác	5590
7.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
8.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
9.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
10.	Đại lý du lịch	7911
11.	Điều hành tua du lịch	7912
12.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
13.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
14.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
15.	Phá dỡ	4311
16.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
17.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
18.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
19.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
20.	Sản xuất giấy nhấn, bìa nhấn, bao bì từ giấy và bìa	1702

21.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
22.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
23.	Đúc sắt, thép	2431
24.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
25.	Bán mô tô, xe máy	4541
26.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
27.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới;	4610
28.	Bán buôn thực phẩm	4632
29.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
30.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
31.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
32.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
33.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
34.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
35.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
36.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
37.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
38.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
39.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
40.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
41.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
42.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
43.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
44.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
45.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
46.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
47.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp; Xây dựng đường hầm;	4290
48.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
49.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất;	7410

50.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Giám sát thi công xây dựng lắp đặt thiết bị công nghệ ngành điện: loại công trình dân dụng, công nghiệp cấp 3; - Giám sát thi công xây dựng lắp đặt thiết bị công nghệ cấp thoát nước: loại công trình dân dụng, công nghiệp cấp 3; - Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ) lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện; - Giám sát thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, đường nội bộ, hạ tầng kỹ thuật lĩnh vực chuyên môn giám sát xây dựng và hoàn thiện; - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; - Khảo sát, thiết kế, thẩm định các công trình thủy lợi, thủy điện, xây dựng dân dụng, giao thông đường bộ, hạ tầng kỹ thuật; - Lập dự án đầu tư, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu các công trình thủy lợi, thủy điện, xây dựng dân dụng, giao thông đường bộ, hạ tầng kỹ thuật;	7110
51.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Ủy thác xuất nhập khẩu; - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
52.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
53.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
54.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
55.	Sao chép bản ghi các loại	1820
56.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
57.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
58.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
59.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
60.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
61.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
62.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
63.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
64.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
65.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
66.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
67.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

68.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
69.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
70.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
71.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
72.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
73.	Khai thác muối	0893
74.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
75.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
76.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
77.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
78.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
79.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
80.	Bốc xếp hàng hóa	5224
81.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4782
82.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
83.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
84.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
85.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
86.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
87.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
88.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
89.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
90.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
91.	In ấn	1811
92.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
93.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
94.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
95.	Đúc kim loại màu	2432
96.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
97.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
98.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
99.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543

100.	Bán buôn gạo	4631
101.	Bán buôn đồ uống	4633
102.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
103.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
104.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
105.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
106.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
107.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
108.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
109.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
110.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
111.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
112.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
113.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
114.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
115.	Vận tải đường ống	4940
116.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
117.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
118.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
119.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
120.	Bán buôn tổng hợp	4690
121.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
122.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
123.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
124.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
125.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
126.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
127.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản;	6820
128.	Cho thuê xe có động cơ	7710
129.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
130.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
131.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729

132.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
133.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
134.	Sản xuất vũ khí và đạn dược	2520
135.	Xây dựng công trình công ích	4220
136.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
137.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
138.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
139.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
140.	Vận tải bằng xe buýt	4920
141.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
142.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LƯƠNG VĂN DŨNG	P505, nhà I1, đường Khuất Duy Tiến, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	30,000	012913667	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	30,000		
2	PHẠM KHẮC ĐÔNG	Số nhà 33, khu tập thể XN 492, tổ 12, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	40,000	012511788	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	40,000		

3	ĐẶNG VĂN KHOA	Số 34 Trung Tả, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	30,000	012716674	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM THỊ THANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/07/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013045669

Ngày cấp: 07/03/2008

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P506 - C1, tập thể Thanh Xuân Bắc, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P506 - C1, tập thể Thanh Xuân Bắc, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội